

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2015 - 2017

Thực hiện Kế hoạch giám sát số 152/KH-HĐND ngày 07/3/2018 của HĐND tỉnh về công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2015 - 2017; UBND tỉnh Báo cáo công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2015 - 2017; với các nội dung như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Việc phổ biến, quán triệt về công tác cải cách hành chính (CCHC)

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về công tác CCHC được các ngành, các cấp thực hiện thường xuyên, liên tục tại cơ quan, đơn vị và địa phương; theo đó, hàng năm Kế hoạch tuyên truyền CCHC của tỉnh và các ngành, đơn vị được lồng ghép trong Kế hoạch CCHC. Các nhiệm vụ tuyên truyền về CCHC đều được cụ thể rõ ràng theo mục riêng, giao nhiệm vụ cụ thể đến từng cơ quan, đơn vị, xác định rõ thời gian hoàn thành, kết quả thực hiện. Trên cơ sở đó, các đơn vị được giao chịu trách nhiệm chủ trì tiến hành triển khai thực hiện.

- Các hình thức tuyên truyền chủ yếu đã thực hiện gồm:

+ Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh duy trì phát sóng chuyên mục CCHC 02 kỳ/tháng; chương trình ký kết giữa Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh với Sở Tư pháp trong việc đưa tin, tuyên truyền về công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Đài Truyền thanh các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn thường xuyên đưa tin.

+ Đưa nội dung CCHC vào phiên họp thường kỳ của UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; hội nghị gặp gỡ doanh nghiệp hàng năm; Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Website của sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

+ Trường Chính trị tỉnh đưa nội dung CCHC vào chương trình bồi dưỡng quản lý nhà nước chương trình chuyên viên, chuyên viên chính.

+ Tổ chức các cuộc thi, dàn dựng tiểu phẩm: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, khối các cơ quan tỉnh tổ chức cuộc thi "Chung tay cải cách thủ tục hành chính"; Sở Nội vụ phối hợp với Công đoàn viên chức tỉnh tổ chức Hội thi "Tìm hiểu Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và cải cách hành chính".

+ Báo Thanh Hóa, Báo Văn hoá và Đời sống, các cơ quan báo chí của Trung ương, các đài phát thanh, truyền hình địa phương đã có nhiều tin, bài kịp thời tuyên truyền sâu rộng, đầy đủ, thường xuyên về nội dung, hoạt động và kết quả thực hiện công tác CCHC, biểu dương các đơn vị, cá nhân tích cực và phản ánh những đơn vị, cá nhân chưa thực hiện tốt.

+ Trung bình mỗi năm, Sở Nội vụ phối hợp với các ngành, UBND cấp huyện tổ chức từ 1 - 2 lớp bồi dưỡng, phổ biến, quán triệt công tác CCHC cho các đối tượng có liên quan.

Tuy mức độ còn khác nhau, nhưng đến nay hầu hết cán bộ, công chức đã nắm rõ những chủ trương, định hướng về công tác CCHC mà Chính phủ và tỉnh đã đề ra; phần lớn người đứng đầu cơ quan hành chính nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa, trách nhiệm và quan tâm tổ chức thực hiện.

2. Về Kế hoạch CCHC

Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 của Chính phủ, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, hàng năm, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC để triển khai thực hiện. Trên cơ sở Kế hoạch CCHC năm của UBND tỉnh, các ngành, các cấp bám sát tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương 5, khóa X về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước để tham mưu cho cấp ủy cùng cấp quyết định các mục tiêu, quan điểm, chủ trương và giải pháp lớn về CCHC. Kế hoạch CCHC của tỉnh đã ban hành các năm:

- Kế hoạch CCHC năm 2015 (Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 19/3/2015).

- Kế hoạch CCHC năm 2016 (Quyết định số 5190/QĐ-UBND ngày 10/12/2015).

- Kế hoạch CCHC năm 2017 (Quyết định số 5068/QĐ-UBND ngày 28/12/2016).

- Kế hoạch CCHC năm 2018 (Quyết định số 4532/QĐ-UBND ngày 24/11/2017).

Kế hoạch CCHC hàng năm đều xác định đầy đủ các nội dung của công tác CCHC gồm: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa hành chính và công tác tuyên truyền CCHC.

Theo đó, kế hoạch đã xác định cụ thể từng nhiệm vụ, phân công rõ ràng cơ quan chịu trách nhiệm chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm cụ thể thời gian hoàn thành đến từng đơn vị.

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, hàng năm, các đơn vị đều hoàn thành đúng thời gian quy định. Kết quả cụ thể theo các báo cáo CCHC và các báo cáo chuyên ngành¹ của các đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm: Báo cáo năm 2015 (Báo cáo số 96/BC-UBND ngày 12/11/2015); Báo cáo năm 2016 (Báo cáo số 100/BC-UBND ngày 14/11/2016); Báo cáo năm 2017 (Báo cáo số 161/BC-UBND ngày 15/11/2017).

3. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC

Triển khai thực hiện khâu đột phá tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII về “Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo sự thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh”, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản quan trọng để chỉ đạo, đôn đốc thực hiện, như: Kế hoạch hành động thực hiện khâu đột phá Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII²; Kế hoạch CCHC hàng năm; Kế hoạch triển khai Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương³; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch rà soát thủ tục hành chính hàng năm; Kế hoạch áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO tại UBND cấp xã⁴; Kế hoạch triển khai ứng dụng công nghệ thông tin; Quyết định về Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa⁵; các quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức; thi tuyển công chức cấp xã; tuyển dụng viên chức trên địa bàn tỉnh⁶; Chỉ thị về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính trong công tác quản lý nhà nước của các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh⁷....

- Kịp thời quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo CCHC của Chính phủ liên quan đến công tác CCHC như: Nghị quyết số 30a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử; Quyết định số 233/QĐ-BCĐCCHC ngày 14/4/2017 của Trưởng Ban Chỉ

¹ Các báo cáo chuyên ngành: Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hàng năm; Báo cáo việc rà soát văn bản QPPL (Sở Tư pháp); Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT (Sở Thông tin và truyền thông); Báo cáo tình hình thực hiện tự chủ tự chịu trách nhiệm (Sở Tài chính); Báo cáo kết quả ứng dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO (Sở KH-CN); Kết quả việc thực hiện thi tuyển cạnh tranh (Báo cáo kết quả thi tuyển của Hội đồng thi tuyển), v.v.v.

² Quyết định số 3274/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 (được thay thế bởi QĐ số 1025/QĐ-UBND ngày 04/4/2017).

³ Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 04/8/2015

⁴ Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 13/6/2016;

⁵ Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 22/8/2017; Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 09/8/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh Thanh Hóa năm 2017.

⁶ Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017; Quyết định số 1941/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017;

Quyết định số 1942/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017; Quyết định số 2235/2017/QĐ-UBND ngày 28/6/2017;

Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 26/5/2017.

⁷ Chỉ thị số 29/CT-UBND ngày 30/9/2016.

đạo CCHC Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2017 của Ban chỉ đạo CCHC Chính phủ; Quyết định số 45/2016/QĐ- TTg ngày 19/10/2016 về việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 29/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh tiến độ, nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN....

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt quy định “Bốn tăng, hai giảm, ba không”⁸. Đồng thời nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí đi lại cho tổ chức, công dân, UBND tỉnh đã xin ý kiến Bộ Nội vụ, quyết định thành lập Trung tâm Hành chính công tỉnh và Trung tâm Hành chính công ở các huyện, thị xã, thành phố.

- Sở Nội vụ với chức năng là cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh trong lĩnh vực CCHC đã chủ động tham mưu trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Đề án thành lập Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện; chế độ hỗ trợ đối với công chức làm việc tại Trung tâm Hành chính công các cấp; Quy định công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính, công khai xin lỗi trong giải quyết thủ tục hành chính⁹; Quy định xác định Chỉ số cải CCHC của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện¹⁰; Chỉ thị về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành, UBND các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Chỉ thị về tập trung nâng cao và cải thiện chỉ số CCHC tỉnh Thanh Hóa¹¹; các văn bản chỉ đạo về thực hiện CCHC, cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông....

- Chỉ đạo tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc thực hiện nhiệm vụ, sử dụng thời gian làm việc trong giờ hành chính và quy định về những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm; tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 6799/UBND-NC ngày 31/7/2014.

4. Về kiểm tra công tác CCHC

Hàng năm, trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác CCHC; Sở Tư pháp xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC).

⁸ Bốn tăng: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; Tăng cường công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC; Tăng cường trách nhiệm trong thực thi công vụ; Tăng cường sự hài lòng của tổ chức, công dân.

Hai giảm: Giảm thời gian giải quyết TTHC (30% so với quy định); Giảm chi phí thực hiện TTHC.

Ba không: Không phiền hà sách nhiễu; Không yêu cầu bổ sung hồ sơ quá 1 lần trong quá trình thẩm tra, thẩm định trình giải quyết công việc; Không trễ hẹn.

(Tại Thông báo số 129/TB-UBND ngày 07/7/2017)

⁹ Quyết định số 876/2017/QĐ-UBND ngày 27/3/2017;

¹⁰ Quyết định số 3965/2017/QĐ-UBND ngày 18/10/2017.

¹¹ 02 dự thảo Chỉ thị Sở Nội vụ đã trình UBND tỉnh trong năm 2015 nhưng chưa được ban hành (Tờ trình số 711/TTr-SNV ngày 28/10/2015 và Tờ trình số 453/TTr-SNV ngày 10/8/2015).

Từ 2015 - 2017 đã tiến hành kiểm tra công tác CCHC tại 66 đơn vị (sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã) và kiểm tra công tác kiểm soát TTHC tại 148 đơn vị (sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã); cụ thể¹²:

| Năm | Số đơn vị được kiểm tra công tác CCHC | Năm | Số đơn vị được kiểm tra công tác Kiểm soát TTHC |
|-------------|---------------------------------------|-------------|---|
| 2015 | 20 | 2015 | 65 |
| 2016 | 21 | 2016 | 56 |
| 2017 | 25 | 2017 | 27 |
| Tổng | 66 | Tổng | 148 |

Qua kiểm tra đã phát hiện một số tồn tại, hạn chế, thiếu sót; các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được thông báo đến các đơn vị để xử lý, khắc phục những tồn tại, hạn chế của từng cơ quan, đơn vị đồng thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để chỉ đạo kịp thời.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

1.1. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của địa phương:

Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định, thể hiện trên các mặt:

- Quy trình ban hành văn bản QPPL được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL, từ lập chương trình xây dựng văn bản đến ký ban hành đều tuân thủ các bước theo quy định của Luật. Hàng năm, HĐND, UBND tỉnh và huyện đã lập chương trình xây dựng văn bản QPPL trên cơ sở các quy định của Luật và chương trình xây dựng văn bản đã được UBND tỉnh thông qua.

- Các cơ quan chuyên môn được giao soạn thảo thành lập Ban soạn thảo hoặc giao cho phòng chức năng nghiên cứu về vấn đề liên quan; đồng thời tiến hành khảo sát, đánh giá tình hình thực tế tác động của văn bản. Các dự thảo văn bản QPPL đều được lấy ý kiến thẩm định của cơ quan tư pháp; văn bản trước khi phát hành đều được kiểm duyệt về thể thức và kỹ thuật trình bày. Đối với Nghị quyết của HĐND tỉnh và HĐND cấp huyện khi xây dựng, ban hành văn bản đều tuân thủ theo trình tự, thủ tục soạn thảo và có ý kiến thẩm tra của các Ban của HĐND trước khi ban hành; tất cả văn bản QPPL sau khi ban hành đều được cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và đăng công báo địa phương.

¹² Tên đơn vị được kiểm tra, kết quả kiểm tra cụ thể được thể hiện tại các báo cáo CCHC hàng năm; Báo cáo kiểm soát TTHC hàng năm.

- Đối với các văn bản QPPL có phạm vi điều chỉnh rộng, đối tượng điều chỉnh nhiều, phức tạp, ngoài việc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản, các đơn vị còn tổ chức các hội nghị, hội thảo có sự tham gia của các ngành, địa phương và các chuyên gia để thống nhất ý kiến qua đó góp phần nâng cao chất lượng văn bản QPPL.

Giai đoạn 2015 - 2017, có 985 dự thảo văn bản QPPL đã được thẩm định và tham gia ý kiến (trong đó tham gia ý kiến 113 dự thảo văn bản của Trung ương; thẩm định, tham gia ý kiến 872 dự thảo văn bản của HĐND, UBND tỉnh và các sở, ngành).

- Duy trì, đẩy mạnh việc tiếp nhận, thu thập thông tin phản hồi và rà soát, đánh giá tác động sau khi văn bản QPPL được ban hành.

1.2. Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền:

Trong giai đoạn 2015 - 2017, các văn bản QPPL được HĐND, UBND tỉnh ban hành chủ yếu thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội trên các lĩnh vực trọng tâm như: quản lý đất đai; xuất khẩu; cải thiện, thu hút đầu tư vào các Khu công nghiệp, Khu Kinh tế Nghi Sơn; địa giới hành chính; cơ chế, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh; chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế..., qua đó góp phần tích cực vào việc triển khai thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, thi hành Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, đồng thời tăng cường quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ở địa phương, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh ngày càng phát triển.

1.3. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL:

- Trong những năm qua, việc xây dựng và ban hành các văn bản QPPL của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh đã đáp ứng được yêu cầu về thẩm quyền, hình thức của văn bản (đặc biệt là cấp tỉnh), hạn chế đến mức tối đa tình trạng sai về hình thức văn bản. Nội dung văn bản phù hợp với thẩm quyền được pháp luật cho phép hoặc phân công, phân cấp. Tất cả văn bản QPPL sau khi ban hành và có hiệu lực đều được các cơ quan hành chính nhà nước triển khai thực hiện theo quy định.

Thực hiện tốt công tác giám sát của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền đối với việc ban hành văn bản QPPL của cấp dưới, hình thức phổ biến là thông qua các hoạt động: thành lập đoàn giám sát, trả lời chất vấn, thanh tra, kiểm tra... Trong kỳ họp cuối năm của HĐND các cấp đều thông qua Nghị quyết về Chương trình giám sát của năm tới. Trên cơ sở các Nghị quyết, Thường trực HĐND và các Ban của HĐND đã lên kế hoạch giám sát thường xuyên từ những vấn đề phát hiện qua giao ban với các cơ quan liên quan hoặc từ những vấn đề kiến nghị, phản ánh của cử tri.... Qua đó, đã phát hiện để kịp thời điều chỉnh việc thi hành, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết

định nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật; đồng thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xác định trách nhiệm của cơ quan, cá nhân đã ban hành văn bản trái pháp luật.

- Rà soát văn bản QPPL:

Công tác rà soát văn bản QPPL được tiến hành thường xuyên, công tác xử lý các văn bản đã hết hiệu lực, trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội được phát hiện thông qua rà soát cũng được chú trọng thực hiện.

+ Năm 2015: Thực hiện rà soát các văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Tư pháp; quản lý nhà nước về thi hành án dân sự, Luật Hôn nhân gia đình, chống gian lận thương mại và hàng giả; lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương và Bộ Công an... Qua rà soát đã đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh bãi bỏ 02 quyết định, sửa đổi 01 quy chế.

+ Năm 2016: Rà soát 20 văn bản QPPL của nhà nước cấp trên, Sở Tư pháp đã đề nghị HĐND, UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL để điều chỉnh 08 nội dung, nhiệm vụ được giao; phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, kiểm tra 300 văn bản QPPL.

+ Năm 2017: Thực hiện rà soát đánh giá thực trạng của hệ thống pháp luật về đầu tư công, rà soát văn bản QPPL liên quan đến công tác quản lý, sử dụng vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ của Bộ Công an. Rà soát các văn bản QPPL của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và đã kiến nghị sửa đổi, bổ sung 05 quyết định.

Bên cạnh đó, các ngành, các cấp đã tiến hành rà soát văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý, hàng năm báo cáo kết quả rà soát đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL

+ Công tác tự kiểm tra văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành từ năm 2015 đến năm 2017 được Sở Tư pháp phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh kiểm tra theo định kỳ hàng quý. Kết quả: Quy trình ban hành văn bản QPPL của UBND tỉnh được thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản QPPL. Vì vậy, không có văn bản sai sót về thể thức, căn cứ ban hành, không có văn bản ban hành trái thẩm quyền, nội dung trái pháp luật.

+ Tình hình kiểm tra văn bản tại các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện): Hàng năm, Sở Tư pháp xây dựng Kế hoạch kiểm tra văn bản của các đơn vị cấp huyện; kết quả:

Năm 2015: Kiểm tra văn bản tại 16 huyện; tổng số văn bản đã kiểm tra 204.562 văn bản; trong đó: 398 văn bản QPPL, 357 chỉ thị, 140.635 quyết định và 63.172 văn bản hành chính. Kết quả, đã phát hiện 213 văn bản vi phạm (trong đó: 10 văn bản sai về thẩm quyền ban hành và nội dung; 32 văn bản sai về thẩm

quyền ban hành; 21 văn bản sai về nội dung; 150 văn bản sai về hiệu lực văn bản, căn cứ pháp lý, thể thức). Thông báo về kết quả kiểm tra gửi tới HĐND, UBND của 16 huyện và kiến nghị xử lý đối với các văn bản có dấu hiệu vi phạm.

Năm 2016: Kiểm tra văn bản tại 05 huyện và thành phố Thanh Hóa và đã kiểm 79.029 văn bản. Kết quả, các văn bản được kiểm tra đảm bảo về thể thức văn bản, căn cứ ban hành, văn bản được ban hành đúng thẩm quyền, nội dung phù hợp với pháp luật. Qua công tác kiểm tra, đã kiến nghị UBND các huyện thu hồi bãi bỏ các quyết định ban hành không đúng quy định. UBND cấp huyện đã tự kiểm tra 2.881 văn bản QPPL; kiểm tra theo thẩm quyền 2.683 văn bản QPPL.

Năm 2017: Kiểm tra văn bản tại 6 huyện: Mường Lát, Như Xuân, Quan Sơn, Thọ Xuân, Nga Sơn, Quảng Xương; đã kiểm tra 79.544 văn bản (302 nghị quyết, 47.867 quyết định của UBND, Chủ tịch cấp huyện, 144 chỉ thị và 31.231 văn bản hành chính). Qua kiểm tra, đã kiến nghị đình chỉ, bãi bỏ 08 nghị quyết của HĐND và 06 quyết định của UBND; kiến nghị UBND huyện: Mường Lát, Như Xuân, Quan Sơn thu hồi bãi bỏ các quyết định giao trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng cho các hộ dân.

2. Cải cách TTHC

Để triển khai công tác cải cách TTHC, trọng tâm là kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2017 theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; hàng năm UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC của từng năm để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh¹³.

2.1. Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC:

Để triển khai công tác cải cách TTHC, trọng tâm là kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2017 theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; hàng năm UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC của từng năm để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh¹⁴.

- Đánh giá tác động quy định TTHC:

+ Năm 2015: Sở Lao động - Thương binh và Xã Hội đánh giá tác động quy định 01 TTHC tại dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ đối với người nghiện ma túy bị áp dụng

¹³ Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 27/3/2015 phê duyệt Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015; Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 27/3/2015 phê duyệt Kế hoạch Đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2015; Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 27/3/2015 phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2015; Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2016; Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 về Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017.

¹⁴ Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 27/3/2015 phê duyệt Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015; Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 27/3/2015 phê duyệt Kế hoạch Đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2015; Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 27/3/2015 phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2015; Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2016; Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 về Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017.

biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chế độ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình và cộng đồng.

+ Năm 2016: UBND tỉnh ban hành 06 văn bản QPPL có quy định về TTHC (mới 15 TTHC; sửa đổi, bổ sung 02 TTHC; bãi bỏ 01 TTHC). Tuy nhiên, trong giai đoạn dự thảo các quyết định, các sở, ngành không thực hiện đánh giá tác động về TTHC được quy định trong dự thảo. Trong hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định, không có bản đánh giá tác động TTHC theo quy định¹⁵;

+ Năm 2017: Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động được 02/20 TTHC được ban hành, cụ thể:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện đánh giá tác động 02 TTHC trong dự thảo quyết định của UBND tỉnh về việc ban hành việc thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh.

Ngoài ra, UBND tỉnh có ban hành 10 quyết định quy định tổng số 20 TTHC; trong đó 18 TTHC mới, 02 TTHC sửa đổi, bổ sung nhưng không được các cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá tác động¹⁶.

- Tham gia ý kiến đối với văn bản QPPL có quy định về TTHC:

+ Năm 2015: Sở Tư pháp đã tham gia ý kiến quy định 06 TTHC tại 03 dự thảo văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Công Thương chủ trì soạn thảo.

+ Năm 2016: Sở Tư pháp đã tham gia thẩm định quy định TTHC tại 02 dự thảo văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh; cụ thể:

Quy định nội dung của 17 TTHC tại dự thảo “Quy định về thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư trực tiếp; dự án đầu tư công; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa” do Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo.

Quy định thủ tục “Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh” (quy định 01 bộ phận tạo thành, phân công, phân cấp cơ quan có thẩm quyền quyết định) do Sở Xây dựng chủ trì soạn thảo.

+ Năm 2017: Sở Tư pháp đã thực hiện thẩm định dự thảo văn bản QPPL có quy định TTHC tại 12/12 dự thảo. Nhưng hầu hết, hồ sơ gửi thẩm định đều không có bản đánh giá tác động về TTHC; cụ thể:

¹⁵ Quyết định số 98/2016/QĐ-UBND ngày 08/01/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh, do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì soạn thảo; Quyết định số 2280/2016/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản ban hành kèm theo Quyết định số 98/2016/QĐ-UBND ngày 08/01/2016 của UBND tỉnh; Quyết định số 2344/2016/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, do Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo.

¹⁶ Quyết định số 505/2017/QĐ-UBND ngày 17/2/2017; Quyết định số 832/2017/QĐ-UBND ngày 21/3/2017; Quyết định số 1725/2017/QĐ-UBND ngày 26/5/2017...

Quy định nội dung của 02 TTHC tại dự thảo Quyết định ban hành quy định việc thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh, do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì soạn thảo (riêng hồ sơ thẩm định này có bản đánh giá tác động TTHC).

Quy định nội dung của 06 TTHC tại dự thảo “Quy định thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng, quy mô công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”, do Sở Xây dựng chủ trì soạn thảo.

Quy định nội dung của 02 TTHC tại dự thảo Quyết định quy định việc thực hiện hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư theo Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Thanh Hóa, do Sở Nội vụ chủ trì soạn thảo.

Quy định nội dung của 05 TTHC mới ban hành tại dự thảo Quyết định ban hành quy định về việc thực hiện chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa theo Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh”, do Sở Công Thương chủ trì soạn thảo.

Quy định nội dung của 03 TTHC mới ban hành tại dự thảo Quyết định về việc ban hành quy chế tuyển dụng công chức cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, do Sở Nội vụ chủ trì soạn thảo.

Quy định nội dung của 01 TTHC sửa đổi tại dự thảo Quyết định về việc sửa đổi Khoản 1, Điều 6 “Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa” ban hành kèm theo Quyết định số 204/2015/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì soạn thảo.

2.2. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC:

Việc rà soát, đơn giản hóa TTHC là nhiệm vụ quan trọng và quyết định đến thành công của công tác cải cách TTHC, từ đó tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho tổ chức, người dân trong thực hiện TTHC và hướng đến một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, lấy phục vụ người dân và tổ chức làm trung tâm trong cải cách TTHC.

- Năm 2015: Theo Kế hoạch rà soát TTHC năm 2015, có 06 đơn vị được giao chủ trì, 31 cơ quan, đơn vị, tổ chức phối hợp rà soát, đánh giá: 03 thủ tục và 04 nhóm TTHC; chỉ tiêu đơn giản hóa, cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ; Sở Tư pháp rà soát, đánh giá độc lập ít nhất 70% thủ tục, nhóm TTHC.

+ Tổng số TTHC đã rà soát, đánh giá: 17 thủ tục (bao gồm cả các TTHC trong 04 nhóm TTHC). Trong đó, giữ nguyên, 06 thủ tục; kiến nghị đơn giản hóa, 11 thủ tục (sửa đổi, bổ sung 10; bãi bỏ: 01).

+ Tổng số văn bản đã rà soát, 53 văn bản. Trong đó: Kiến nghị sửa đổi 01 luật, 04 nghị định, 02 thông tư, 01 quyết định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và 01 quyết định của UBND tỉnh.

+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 19.502.280.732 đồng/năm; sau khi đơn giản hóa: 15.069.129.680 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 22,73% (vượt chỉ tiêu, 2,73%); tiết kiệm chi phí tuân thủ TTHC: 4.433.151.052 đồng/năm.

- Năm 2016: Theo Kế hoạch rà soát TTHC năm 2016, có 16 đơn vị được giao chủ trì, 45 cơ quan, đơn vị, tổ chức phối hợp rà soát, đánh giá 06 TTHC đơn lẻ, 12 nhóm TTHC.

Trên cơ sở báo cáo kết quả rà soát, đánh giá của các sở, ngành, đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 17 quyết định về việc thông qua phương án đơn giản hóa TTHC và phê duyệt các báo cáo về tình hình, kết quả rà soát, đánh giá TTHC gửi các Bộ, cơ quan ngành Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để đề nghị xem xét, xử lý theo phạm vi, chức năng quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để báo cáo. Đối với phương án đơn giản hóa thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao nhiệm vụ cho cơ quan chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa. Kết quả như sau:

+ Tổng số TTHC đã rà soát, đánh giá: 42 TTHC; trong đó: giữ nguyên 12 TTHC; đề nghị đơn giản hóa 30 TTHC (sửa đổi, bổ sung: 27 TTHC; bãi bỏ: 03 TTHC); đề nghị ban hành mới 02 TTHC.

+ Tổng số văn bản đã rà soát: 151 văn bản, trong đó: số văn bản kiến nghị sửa đổi là 32 văn bản (Trong đó: 02 luật, 06 nghị định, 16 thông tư, 01 quyết định của Bộ trưởng; 07 quyết định của UBND tỉnh).

+ Chi phí tuân thủ TTHC: Tổng chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.949.683.275 đồng/năm; tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.009.419.407 đồng/năm; tổng chi phí tiết kiệm: 1.940.263.868 đồng/năm; tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 32,61% (vượt chỉ tiêu: 12,61%).

- Năm 2017: Theo Kế hoạch rà soát TTHC năm 2017, 16 đơn vị được giao chủ trì căn cứ tình hình giải quyết TTHC tự lựa chọn tối thiểu 02 TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết có chứa đựng nội dung không cần thiết, không

phù hợp, gây tổn kém chi phí thực hiện để tiến hành rà soát, đơn giản hóa, với mục tiêu đơn giản hóa và cắt giảm tối thiểu 15% chi phí tuân thủ TTHC; theo đó, các sở, ban, ngành đã xây dựng kế hoạch, lựa chọn tổng số 35 TTHC đơn lẻ (có đơn vị tự lựa chọn 03 - 04 TTHC đơn lẻ, như Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Tất cả các đơn vị rà soát đều đảm bảo tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ đạt hoặc vượt chỉ tiêu so với kế hoạch; cụ thể như sau:

+ Tổng số TTHC được rà soát, đánh giá: 35 TTHC; trong đó: giữ nguyên 0 TTHC; đề nghị sửa đổi, bổ sung 34 TTHC; đề nghị bãi bỏ 01 TTHC; ban hành mới: 0 TTHC.

+ Tổng số văn bản đã rà soát: 91 văn bản; trong đó: 0 văn bản thuộc thẩm quyền thực thi; 51 văn bản kiến nghị đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi.

+ Chi phí tuân thủ TTHC: Tổng chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.091.004.384 đồng/năm; tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.818.947.515 đồng/năm; tổng chi phí tiết kiệm: 2.272.056.869 đồng/năm; tỷ lệ cắt giảm đạt: 28,08% (vượt chỉ tiêu: 13,08% so với kế hoạch).

2.3. Về công bố, công khai, nhập dữ liệu TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia:

- Năm 2015: Sở Tư pháp đã kiểm soát chất lượng 488 TTHC (214 thủ tục đề nghị công bố mới; 42 công bố sửa đổi, bổ sung; 232 công bố bãi bỏ). Trong đó, các sở, ban, ngành đã trình, Chủ tịch UBND tỉnh đã ký, ban hành 44 quyết định công bố 409 thủ tục (172 thủ tục công bố mới ban hành; 32 thủ tục công bố sửa đổi, bổ sung; 205 thủ tục công bố hủy bỏ, bãi bỏ); đã nhập 102 TTHC mới ban hành và sửa đổi, bổ sung vào Cơ sở dữ liệu quốc gia; ban hành 15 Công văn đề nghị công khai 102 thủ tục, không công khai 60 TTHC.

- Năm 2016: Sở Tư pháp đã kiểm soát 145 dự thảo Quyết định và nội dung của 2.108 TTHC; trong đó:

+ Kiểm soát chất lượng TTHC đề nghị công bố thường xuyên: 362 thủ tục (mới 178 thủ tục; sửa đổi, bổ sung 59 thủ tục; bãi bỏ 125 thủ tục).

+ Kiểm soát chất lượng TTHC đề nghị công bố chuẩn hóa: 1746 thủ tục (chuẩn hóa 1.058 thủ tục; bãi bỏ 688 thủ tục).

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 103 quyết định, công bố 1.451 thủ tục; trong đó: chuẩn hóa 608 thủ tục; mới ban hành 81 thủ tục; sửa đổi, bổ sung 36 thủ tục; bãi bỏ 727 thủ tục (trong đó 609 thủ tục bãi bỏ do được chuẩn hóa nội dung).

Sở Tư pháp đã nhập 704 TTHC mới ban hành và sửa đổi, bổ sung vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; ban hành 73 Công văn đề nghị mở công khai 704 TTHC, không công khai 780 TTHC.

- Năm 2017: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 117 quyết định công bố 1.590 TTHC; trong đó: 839 TTHC mới ban hành, 108 TTHC sửa đổi, bổ sung; 643

TTHC bị bãi bỏ. Sở Tư pháp đã nhập, công khai 998 TTHC; không công khai 717 TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

- Việc công khai TTHC: 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã được niêm yết, công khai trên bảng thông tin tại trụ sở, nơi làm việc; đăng tải trên địa chỉ website, trang thông tin điện tử đối với các đơn vị đã sử dụng công nghệ thông tin điện tử vào việc giải quyết TTHC để thuận lợi cho việc tìm hiểu, khai thác của các tổ chức công dân.

2.4. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa liên thông hiện đại:

- Thực hiện Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đến nay trên địa bàn tỉnh có 100% các cơ quan, đơn vị đã thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; cụ thể:

+ Cấp tỉnh: 29 đơn vị, trong đó có 20 sở, ban, ngành cấp tỉnh (có 07 đơn vị có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại) và 09 đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

Kể từ ngày 28/11/2017, Trung tâm Hành chính công tỉnh đi vào hoạt động, việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cho người dân, tổ chức thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của các sở, ngành cấp tỉnh được thực hiện tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, các sở, ngành không còn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (trừ Ban Dân tộc tỉnh, Sở Ngoại vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Thanh tra tỉnh - các đơn vị này có số lượng hồ sơ giải quyết cho tổ chức, công dân ít, trước mắt chưa áp dụng tại Trung tâm Hành chính công tỉnh).

+ Cấp huyện: 27 đơn vị cấp huyện; trong đó có 20 đơn vị có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại.

Tính đến ngày 26/02/2018 đã có 27/27 huyện, thị xã, thành phố ban hành Nghị quyết thành lập Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Tuy nhiên, quy trình hoạt động vẫn đang thực hiện theo phần mềm một cửa liên thông hiện đại đã được đầu tư cũ (do phần mềm công nghệ thông tin của Trung tâm Hành chính công cấp huyện đang chờ đầu tư của tỉnh).

+ Cấp xã: 635 đơn vị cấp xã thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức và thực hiện tốt Quy định công khai kết quả giải quyết TTHC, công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC để nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Nhằm hiện đại hóa nền hành chính, tránh tình trạng phiền hà, sách nhiễu của cán bộ, công chức, đề cao tính phục vụ nhân dân và công khai minh bạch trong việc tiếp nhận và giải quyết TTHC, UBND tỉnh đã thành lập và đưa 1.236 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành cấp tỉnh vào thực hiện tại Trung tâm Hành chính công tỉnh¹⁷.

¹⁷ Danh mục TTHC được ban hành tại Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 03/10/2017

- Cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến và tiếp nhận giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

Đến nay hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được xây dựng tích hợp với Cổng thông tin điện tử của tỉnh cung cấp 1.772 dịch vụ công mức 2; 38 dịch vụ công mức 3 và 04 dịch vụ công mức 4. Dự kiến hết năm 2018 sẽ có 800 dịch vụ công trực tuyến ở cả 3 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3. Đối với dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, sẽ tiến hành triển khai thí điểm một số dịch vụ công ở mức độ 4 có liên quan nhiều đến người dân và doanh nghiệp; UBND tỉnh đã ban hành danh mục TTHC thực hiện và không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 25/5/2017) với tổng số 1.312 TTHC công tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; 1.185 TTHC trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Hệ thống một cửa điện tử hiện đại cung cấp dịch vụ hành chính công đã được triển khai tại 20/27 UBND huyện, thị xã, thành phố (đạt 74%); 132 đơn vị cấp xã (đạt 20,47%). Phần mềm ứng dụng tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện (bộ phận một cửa cấp xã) được triển khai theo 01 phần mềm dùng chung do Bộ Thông tin và Truyền thông chuyển giao. Các đơn vị đã phát huy tốt hiệu quả của hệ thống trang thiết bị, phần mềm được đầu tư.

- Nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho tổ chức, người dân và doanh nghiệp khi thực hiện TTHC; ngày 25/5/2017 Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1713/QĐ-UBND về việc ban hành danh mục TTHC thực hiện và không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích để triển khai thực hiện đồng bộ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2.5. Kết quả giải quyết TTHC:

Việc đánh giá hiệu quả của công tác CCHC được thể hiện rõ nét trong kết quả giải quyết TTHC của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2017, với kết quả cụ thể như sau:

- Năm 2015: Tổng số hồ sơ tiếp nhận từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015 là 3.150.179 hồ sơ; trong đó, kỳ trước chuyển qua: 80.391 hồ sơ. Kết quả giải quyết trong năm như sau:

+ Số hồ sơ đã giải quyết đã trả kết quả 3.064.483 hồ sơ; trong đó, giải quyết đã trả kết quả đúng hạn 3.058.058 hồ sơ.

+ Số hồ sơ đang giải quyết 85.696; trong đó, đang giải quyết đã quá hạn trả kết quả 1.124 hồ sơ.

- Năm 2016: Tổng số hồ sơ tiếp nhận từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016 là 4.221.349 hồ sơ; trong đó, kỳ trước chuyển qua: 133.029 hồ sơ. Kết quả giải quyết như sau:

+ Số hồ sơ đã giải quyết đã trả kết quả 4.133.787 hồ sơ; trong đó, giải quyết đã trả kết quả đúng hạn 4.124.509 hồ sơ.

+ Số hồ sơ đang giải quyết 87.562 hồ sơ; trong đó, đang giải quyết đã quá hạn trả kết quả 2.878 hồ sơ.

- Năm 2017: Kết quả giải quyết TTHC từ ngày 01/01/2017 đến 15/12/2017 như sau: Tổng số hồ sơ tiếp nhận là 3.281.500 hồ sơ; trong đó, số mới tiếp nhận là 3.180.945 hồ sơ; số kỳ trước chuyển qua là 100.555 hồ sơ.

Số hồ sơ đã giải quyết đã trả kết quả 3.230.821 hồ sơ; trong đó:

+ Số hồ sơ đã giải quyết trả đúng thời hạn: 3.226.809 hồ sơ.

+ Số hồ sơ đã giải quyết trả quá hạn: 4.012 hồ sơ.

Số hồ sơ đang giải quyết: 50.679 hồ sơ; trong đó:

+ Số hồ sơ đang giải quyết chưa đến hạn: 50.436 hồ sơ.

+ Số hồ sơ đang giải quyết đã quá hạn: 243 hồ sơ.

- Kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Hành chính công tỉnh: Từ ngày 28/11/2017 đến ngày 05/02/2018, Trung tâm Hành Chính công tỉnh đã tiếp nhận 9.327 hồ sơ; trong đó:

+ Hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn là: 7.565 hồ sơ (trong đó: Trả trước hạn là 4.743 hồ sơ; đúng hạn là: 2.822 hồ sơ) chiếm tỷ lệ 98,9% hồ sơ đã giải quyết.

+ Hồ sơ giải quyết quá hạn là: 83 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 1,1% hồ sơ đã giải quyết (trong đó: Quá hạn đã xử lý 13 hồ sơ; quá hạn đang xử lý là 35 hồ sơ).

+ Hồ sơ chờ bổ sung: 39 hồ sơ.

+ Hồ sơ trả lại hoặc xin rút: 192 hồ sơ.

Kết quả thực hiện việc giải quyết các TTHC cấp tỉnh đã được đưa lên trên Trang thông tin điện tử của Trung tâm Hành chính công tỉnh tại địa chỉ (<http://hcc.thanhhoa.gov.vn>).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của UBND và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện:

Trong giai đoạn 2015 - 2017, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

Sở Nội vụ đã hướng dẫn các sở xây dựng phương án và thẩm định phương án trình UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, đồng thời hướng dẫn UBND cấp huyện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn trực thuộc.

- UBND tỉnh phê duyệt Đề án đổi tên, sáp nhập, bổ sung chức năng, nhiệm vụ các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố hoạt động trong lĩnh vực giáo dục thường xuyên, dạy nghề, hướng nghiệp; theo đó việc sáp nhập các Trung tâm vào trường Trung cấp nghề sẽ giảm 17 đầu mối (từ 44 đầu mối xuống còn 27 đầu mối); sáp nhập 15 Ban quản lý Dự án trực thuộc các đơn vị trong tỉnh thành 05 Ban quản lý Dự án tỉnh (giảm 10 đầu mối); Sở Nội vụ thực hiện việc sáp nhập phòng Quản lý công chức, viên chức với phòng Đào tạo; phòng Công tác Thanh niên với phòng Xây dựng Chính quyền (giảm 2 phòng chuyên môn thuộc sở).

- Triển khai Quyết định số 1788/QĐ-LĐTBXH ngày 15/11/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc giải thể trường Cao đẳng Thể dục Thể thao Thanh Hóa để chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy về trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa và Trung tâm huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Hoàn thiện Đề án, trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Viện Nông nghiệp trên cơ sở sáp nhập, tổ chức lại 7 đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Khoa học và Công nghệ.

3.2. Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện:

Hàng năm, trên cơ sở nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và tránh việc thanh tra, kiểm tra chồng chéo; Sở Nội vụ xây dựng Kế hoạch kiểm tra CCHC lồng ghép các nội dung kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện.

Qua kiểm tra đã phát hiện một số tồn tại, hạn chế, thiếu sót; các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được thông báo đến các đơn vị để xử lý, khắc phục những tồn tại, hạn chế của từng cơ quan, đơn vị đồng thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để chỉ đạo kịp thời.

3.3. Về thực hiện phân cấp quản lý:

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý.

- Triển khai các Quyết định số 4761/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017 - 2020 của tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 484/2017/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 về phân công, phân cấp, ủy quyền

kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3505/2016/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 ban hành Quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa...

Đến nay, việc phân cấp quản lý đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực như: Quản lý ngân sách nhà nước; đất đai, tài nguyên; hộ tịch, hộ khẩu, hành chính tư pháp; cán bộ, công chức, viên chức; giáo dục phổ thông; phòng cháy, chữa cháy; giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư; nông, lâm, ngư nghiệp; kinh doanh hàng hóa, hành nghề có điều kiện; chính sách người có công...

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

4.1. Về sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm:

- Về vị trí việc làm trong cơ quan quản lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa: Ngày 31/12/2015 Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 2034/QĐ-BNV về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Thanh Hóa, với 320 vị trí việc làm trong hệ thống các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Thanh Hóa - có ngạch công chức tối thiểu tương ứng với từng vị trí việc làm và danh mục các vị trí việc làm trong từng cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Thanh Hóa.

- Về vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa: UBND tỉnh đã đề nghị Hội đồng thẩm định vị trí việc làm của Bộ Nội vụ thẩm định, phê duyệt.

4.2. Về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức:

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành đồng bộ các quy định liên quan đến quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức như: Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý; Quyết định số 1941/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 ban hành Quy chế tiếp nhận cán bộ, công chức; tuyển dụng công chức đối với các trường hợp đặc biệt và xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 1942/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 ban hành Quy định tuyển dụng viên chức cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2235/2017/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý; Quyết định số 1725/2017/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; giai đoạn 2015 - 2017, UBND tỉnh đã

trình Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính thẩm định và cấp kinh phí cho 1.527 người đủ điều kiện theo chính sách tinh giản biên chế; trong đó: Về hưu trước tuổi: 1.457 người (khối đảng 41 người, khối hành chính 49 người, khối xã, phường 275 người; sự nghiệp giáo dục 977 người, sự nghiệp y tế 32 người, sự nghiệp khác 83 người). Thôi việc ngay: 65 người (khối đảng 01 người; khối hành chính 06 người; khối xã, phường 43 người, sự nghiệp giáo dục 12 người; sự nghiệp khác 03 người). Chuyển sang tổ chức không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 05 người (khối xã, phường 01 người; sự nghiệp giáo dục 02 người, sự nghiệp khác 02 người); ban hành Kế hoạch tinh giản biên chế đến năm 2021 của các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố (Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Chỉ đạo triển khai, thực hiện Kế hoạch số 14-KH/TU ngày 07/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Công văn số 6356/UBND-THKH ngày 17/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh).

Tính đến ngày 31/12/2016 tổng số biên chế hiện có của tỉnh Thanh Hóa là 75.680 cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, công chức khối cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện là 3.914 người, khối viên chức các đơn vị sự nghiệp là 58.156 người và 13.610 cán bộ, công chức cấp xã (cán bộ 6.660 người, công chức 6.950 người).

- Về chất lượng công chức cấp tỉnh, cấp huyện:

+ Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 26 người, chiếm 0,66%; thạc sĩ 813 người, chiếm 20,77%; đại học 2.856 người, chiếm 72,97%; cao đẳng 37 người, chiếm 0,94%; trung cấp 182 người, chiếm 4,65%.

+ Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân 190 người, chiếm 4,85%; cao cấp 938 người, chiếm 23,97%; trung cấp 928 người, chiếm 23,71%; sơ cấp 527 người, chiếm 13,46%; còn lại 1.331 người, chiếm 34%.

- Về chất lượng viên chức:

+ Trình độ chuyên môn: Giáo sư, Phó Giáo sư 18 người, chiếm 0,03%; thạc sĩ 2.912 người, chiếm 5%; đại học 38.250 người, chiếm 65,77%; cao đẳng 7.689 người, chiếm 13,22%; trung cấp 8.539 người, chiếm 14,68%; chưa qua đào tạo 556 người, chiếm 0,96%.

+ Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân 99 người, chiếm 0,17%; cao cấp 987 người, chiếm 1,70%; trung cấp 6.506 người, chiếm 11,19%; sơ cấp 16.692 người, chiếm 28,70%; còn lại 33.872 người, chiếm 58,24%.

- Về chất lượng cán bộ, công chức cấp xã:

+ Cán bộ cấp xã: Trình độ chuyên môn sau đại học có 47 người, chiếm 0,71%; đại học 1.718 người, chiếm 25,80%; cao đẳng 358 người, chiếm 5,38%;

trung cấp 3.299 người, chiếm 49,53%; sơ cấp 245 người, chiếm 3,68%, chưa qua đào tạo 993 người, chiếm 14,91%. Trình độ lý luận chính trị cao cấp, cử nhân có 173 người, chiếm 2,6%; trung cấp 5.871 người, chiếm 88,15%; sơ cấp 352 người, chiếm 5,29%; chưa qua đào tạo 264 người, chiếm 3,96%.

+ Công chức cấp xã: Trình độ chuyên môn sau đại học có 13 người, chiếm 0,19%; đại học 3.182 người, chiếm 45,78%; cao đẳng 407 người, chiếm 5,86%; trung cấp 3.195 người, chiếm 45,97%; sơ cấp 48 người, chiếm 0,69%, chưa qua đào tạo 105 người, chiếm 1,51%. Trình độ lý luận chính trị cao cấp, cử nhân có 17 người, chiếm 0,24%; trung cấp 3.696 người, chiếm 53,18%; sơ cấp 731 người, chiếm 10,52%; chưa qua đào tạo 2.506 người, chiếm 36,06%.

4.3. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng:

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 về phê duyệt phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2015; Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tỉnh Thanh Hóa năm 2016; Quyết định số 4982/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 về việc thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020 để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai Quy định việc thực hiện hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư theo Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh (Quyết định số 505/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của UBND tỉnh).

- Thực hiện Đề án Liên kết đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài tại Trường Đại học Hồng Đức theo Nghị quyết số 53/2013/NQ-HĐND ngày 10/7/2013 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách liên kết đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài. Đến nay có 156 học viên (trong đó có 12 tiến sĩ, 128 thạc sĩ và 16 đại học) đã kết thúc chương trình đào tạo tại nước ngoài, một số được bố trí sắp xếp công việc hợp lý.

5. Cải cách tài chính công

- Tập trung chỉ đạo việc thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ. Đến nay 100% đơn vị đã thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, việc thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đã tạo điều kiện thuận lợi để các ngành, các cấp, các đơn vị phát huy

tính chủ động, sáng tạo trong sắp xếp tổ chức, bộ máy gọn, nhẹ, hiệu quả hơn; phát huy được vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và từng tập thể, cá nhân trong việc khai thác các nguồn lực, tiết kiệm kinh phí để nâng cao thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức.

- UBND tỉnh ban hành các quyết định liên quan đến phân cấp quản lý ngân sách ở địa phương; cụ thể:

+ Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017 - 2020 (Quyết định số 4761/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016).

+ Ban hành định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và ổn định đến năm 2020 (Quyết định số 4762/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016).

+ Ban hành định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh (Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016).

- Ban hành Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 của UBND tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh, đã giảm bớt khó khăn cho ngân sách nhà nước trong việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội.

6. Hiện đại hóa hành chính

6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương:

Trong giai đoạn 2015 - 2017, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong các cơ quan hành chính nhà nước. Điển hình như: Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 16/12/2014 về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2015; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 30/3/2016 về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2016; Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 17/10/2016 về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2017; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 15/02/2016 về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 30a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử (Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2016 của UBND tỉnh); Đề án Xây dựng Chính quyền điện tử và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017 - 2020 (Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh)....

- Cổng thông tin điện tử của tỉnh (<http://thanhhoa.gov.vn>) đã được xây dựng tích hợp với 48 trang thông tin điện tử thành phần của các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện (đạt 100%). Tất cả các cơ quan đều đã thành lập Ban biên tập, bố trí nhân lực chuyên trách thực hiện duy trì hoạt động của cổng/trang thông tin điện tử, cung cấp đầy đủ các thông tin và dịch vụ công trực tuyến theo quy định; có 387/635 (đạt 61%) xã có trang thông tin điện tử riêng đưa vào hoạt động.

- Việc kết nối, liên thông gửi/nhận văn bản giữa UBND tỉnh với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã (20 sở, ban, ngành cấp tỉnh và 27 UBND cấp huyện, 132 UBND cấp xã) qua phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc tiếp tục được duy trì, hoạt động ổn định, sử dụng có hiệu quả. 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện đã thực hiện việc ứng dụng chữ ký số và gửi, nhận văn bản qua mạng.

- Hệ thống một cửa điện tử hỗ trợ giải quyết TTHC trong các cơ quan nhà nước đã được triển khai và đưa vào sử dụng tại 20/27 UBND cấp huyện và dự kiến tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh và tất cả các Trung tâm Hành chính công cấp huyện; đã hoàn thành việc triển khai phần mềm hỗ trợ giải quyết TTHC đến 132 UBND cấp xã.

- Triển khai hệ thống phần mềm quản lý văn bản (ioffice), trang thông tin điện tử; ứng dụng thí điểm hội nghị truyền hình cho UBND các xã thuộc các huyện Đông Sơn, Thường Xuân, Nông Cống và Như Xuân; chuyển giao thiết bị chứng thư số chuyên dùng cho 142 UBND cấp xã.

- Chữ ký số chuyên dùng đã được triển khai ứng dụng và tích hợp vào phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Đến nay hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được xây dựng tích hợp với Cổng thông tin điện tử của tỉnh cung cấp 1.772 dịch vụ công mức 2; 38 dịch vụ công mức 3 và 04 dịch vụ công mức 4. Dự kiến hết năm 2018 sẽ có 800 dịch vụ công trực tuyến ở cả 3 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3. Đối với dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, sẽ tiến hành triển khai thí điểm một số dịch vụ công ở mức độ 4 có liên quan nhiều đến người dân và doanh nghiệp.

- Cổng thông tin thương mại doanh nghiệp Thanh Hoá đã cung cấp dịch vụ, hỗ trợ các doanh nghiệp theo mô hình doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B) và doanh nghiệp với người dân (B2C). Hiện cổng đang hoạt động tốt, đã thu hút được 1.117 doanh nghiệp tham gia giao dịch giới thiệu sản phẩm hoặc tích hợp, mở website riêng cho doanh nghiệp; có 1.250 sản phẩm được đưa lên cổng nhằm quảng bá thương hiệu, sản phẩm miễn phí cho doanh nghiệp.

- 100% các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đã có trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ các thông tin theo quy định của nhà nước về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; Cổng thông tin điện tử của tỉnh đã liên kết, tích hợp Trang thông tin điện tử của tất cả các sở, ngành và UBND cấp huyện.

6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính:

Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO đã góp phần quan trọng trong công tác CCHC của cơ quan hành chính nhà nước hướng tới phục vụ nhân dân một cách công khai, minh bạch và hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 29/9/2013 và Quyết định số 4460/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành bổ sung Kế hoạch triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước. Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có 71 cơ quan hành chính nhà nước triển khai thực hiện và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008.

- Triển khai Kế hoạch áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 (Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh); đến nay đã có 01 đơn vị sự nghiệp công lập và 64 UBND cấp xã công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008. Tiếp tục bổ sung 60 UBND cấp xã vào Kế hoạch triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 năm 2018 (Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 26/7/2017).

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

- Chất lượng xây dựng văn bản QPPL chưa đáp ứng được yêu cầu; trách nhiệm phối hợp và tham gia ý kiến vào dự thảo văn bản QPPL chưa cao.

- Một số lĩnh vực CCHC đạt kết quả còn thấp như: Tỷ lệ cán bộ cấp xã chưa đạt chuẩn còn ở mức cao; chất lượng cung cấp dịch vụ công về y tế và giáo dục còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến chủ yếu mới đạt ở mức độ 1, mức độ 2; số đơn vị hành chính cấp xã áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008 còn ít.

- Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án cơ chế tài chính như doanh nghiệp còn thấp.

- Trang thông tin điện tử của các đơn vị thông tin còn nghèo nàn và chưa được cập nhật kịp thời, thường xuyên.

- Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 còn thấp.

- Một số sở chưa hoàn thành việc công bố TTHC chuẩn hóa như: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giáo dục và Đào tạo.

- Việc giải quyết TTHC ở một số đơn vị trong tỉnh, còn có trường hợp: thu thừa, thu thiếu giấy tờ trong hồ sơ so với quy định; xử lý hồ sơ TTHC chưa đảm bảo trình tự, thời gian quy định; sử dụng không đúng mẫu đơn, tờ khai.

- Việc đánh giá tác động TTHC trong dự thảo văn bản QPPL của UBND tỉnh do các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo thực hiện đạt tỷ lệ thấp, chưa đảm bảo hiệu quả.

- Trong quá trình thực hiện TTHC, một số công chức được phân công thực hiện TTHC chưa kịp thời phát hiện, kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung, thay đổi hoặc hủy bỏ, bãi bỏ các quy định về TTHC không phù hợp, thiếu khả thi.

- Một số đơn vị chưa quan tâm đến việc bố trí kinh phí hỗ trợ cho cán bộ, công chức đầu mối và kinh phí cho hoạt động kiểm soát TTHC.

- Hoạt động của Bộ phận một cửa ở một số đơn vị cấp xã còn mang tính hình thức, chưa đáp ứng yêu cầu; việc thực hiện liên thông giữa các cấp hành chính còn nhiều hạn chế, nhất là liên thông giữa sở, ngành với các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn.

- Một số đơn vị cấp huyện đã triển khai mô hình một cửa hiện đại nhưng chưa đồng nhất về cách làm, mô hình, bố trí diện tích phòng làm việc, trang thiết bị, phương tiện, phần mềm điện tử, bố trí cán bộ, công chức. Công tác giám sát quá trình giải quyết TTHC của cá nhân, tổ chức liên quan đối với cơ quan hành chính nhà nước và cán bộ, công chức khó thực hiện, cơ chế kiểm tra, giám sát chưa rõ ràng.

2. Nguyên nhân

- Nhiều Bộ khi công bố TTHC, trong đó có TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương nhưng không gửi ngay cho sở, ban, ngành và Sở Tư pháp; nhiều TTHC do Bộ công bố chưa đầy đủ, chưa chính xác với văn bản QPPL (như Thanh tra Chính phủ công bố 29/29 TTHC sai; Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội... đều phải công bố lại).

- Chưa có hướng dẫn của Trung ương về mô hình chuẩn cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại và phần mềm điện tử dùng chung thống nhất cho tất cả các Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện.

- Việc tiếp cận dịch vụ hành chính của tổ chức, công dân còn hạn chế do không tìm hiểu kỹ, nắm vững trình tự giải quyết, thành phần hồ sơ trước khi nộp hồ sơ tại cơ quan hành chính nhà nước. Khi có nhu cầu giải quyết TTHC công dân hoặc doanh nghiệp chưa sử dụng đến quyền phản ánh, kiến nghị đối với việc giải quyết chậm.

- Một số sở, ngành chưa thực sự chủ động trong việc theo dõi, cập nhật TTHC do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực công bố, chủ yếu là trông chờ việc cung cấp thông tin từ Sở Tư pháp.

- Nhiều khó khăn, vướng mắc chậm được xử lý; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu một số cơ quan hành chính nhà nước và cán bộ, công chức của hệ thống kiểm soát TTHC các cấp chưa được phát huy đúng mức, hiệu quả còn thấp.

- Việc niêm yết, giải quyết TTHC vẫn còn sai sót.

- Các hoạt động kiểm soát TTHC chưa hiệu quả, khắc phục chậm, như: Việc công bố cập nhật và công bố chuẩn hóa TTHC đặc thù; đánh giá tác động của TTHC trong các dự thảo văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành có quy định về TTHC; rà soát, phát hiện, báo cáo:

+ TTHC đã có hiệu lực thi hành nhưng chưa được công bố; đang đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia nhưng chưa chính xác, đầy đủ theo quy định hoặc đã hết hiệu lực thi hành, bị hủy bỏ, bãi bỏ.

+ TTHC, nhóm TTHC, quy định hành chính có vướng mắc, bất cập, gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân nhưng chưa có trong Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm.

- Công tác chỉ đạo, điều hành về kiểm soát TTHC tại một số đơn vị, địa phương còn chưa nghiêm, chưa triệt để.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Công tác CCHC trong những năm qua được các ngành, các cấp quan tâm triển khai thực hiện và đạt kết quả tích cực trên cả 06 nội dung: cải cách thể chế; cải cách TTHC; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng, nâng cao chất lượng, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính.

- Công tác cải cách TTHC nhận được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; lãnh đạo một số sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thể hiện rõ hơn vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, điều hành thực hiện. Cải cách TTHC, trọng tâm là đơn giản hóa TTHC trên các lĩnh vực: đất đai, thành lập doanh nghiệp, thẩm định dự án đầu tư... được quan tâm chỉ đạo, thực hiện; các TTHC trên các lĩnh vực này đều được đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục và rút ngắn thời gian giải quyết cho doanh nghiệp, người dân so với quy định chung và so với nhiều tỉnh trong cả nước.

- Việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, đặc biệt việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công đã góp phần khắc phục tình trạng chậm trễ, đùn đẩy, né tránh và giảm bớt phiền hà, tiêu cực, những nhiễu trong quá trình giải quyết công việc cho tổ chức, cá nhân. Công tác giải quyết TTHC đảm bảo thuận tiện, đã kiểm soát được số lượng hồ sơ nhận, trả và tiến độ, thời gian xử lý hồ sơ của cán bộ, công chức, giảm thiểu tình trạng tồn đọng, kéo dài.

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, cải cách TTHC tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện được triển khai tương đối đầy đủ, kịp thời. Hầu hết các cơ quan, đơn vị đều ban hành Kế hoạch CCHC, Kế hoạch tuyên truyền CCHC, Kế hoạch kiểm soát TTHC... của từng năm để triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị.

- Việc xây dựng, ban hành các Kế hoạch CCHC, Kế hoạch kiểm soát TTHC; Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Việc rà soát, đánh giá, đơn giản hóa TTHC; việc kiểm tra công tác kiểm soát TTHC... đã được quan tâm, chú trọng và triển khai thực hiện; việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính được thực hiện và xử lý nghiêm túc, kịp thời; công tác tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm TTHC và hướng dẫn sử dụng Hệ thống phần mềm quản lý, đánh giá kiểm soát TTHC tại một số sở, ngành, địa phương được quan tâm, chú trọng.

- Công tác rà soát, đơn giản hóa TTHC tại các cơ quan, đơn vị được quan tâm, chú trọng. Tất cả các đơn vị được giao chủ trì rà soát đều hoàn thành nhiệm vụ được giao, đưa ra được phương án đơn giản hóa TTHC với tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đã đề ra.

- Công tác công bố, công khai, niêm yết TTHC đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tình hình công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương đã được cải thiện đáng kể, một số sở cơ bản đã hoàn thành công bố chuẩn hóa TTHC như: Tư pháp, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông. Thực hiện niêm yết TTHC tương đối đầy đủ và đảm bảo niêm yết các TTHC đang còn hiệu lực thi hành.

- Tình trạng phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính, hành vi hành chính trong giải quyết TTHC diễn ra ít.

- Kết quả khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với việc cung cấp dịch vụ công, dịch vụ hành chính công đạt tỷ lệ hài lòng trở lên trên 80%.

- Việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT của các sở, ngành, địa phương đã mang lại nhiều kết quả tích cực, tạo tiền đề mạnh mẽ thúc đẩy tiến trình xây dựng chính quyền điện tử, từng bước nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công và nâng cao tỷ lệ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

- Kỷ cương, kỷ luật hành chính, tinh thần, trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức có chuyển biến tích cực; hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước của các ngành, các cấp được nâng lên.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Văn phòng Chính phủ

- Kiểm soát chặt chẽ nội dung TTHC do các Bộ, cơ quan ngang Bộ công bố và nhập, đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC để ngăn chặn tình trạng công bố không chính xác, chưa đầy đủ so với văn bản QPPL; kịp thời xử lý các

quyết định công bố TTHC nhưng không đảm bảo đầy đủ, chính xác theo văn bản QPPL. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện kiểm soát TTHC; xử lý các văn bản có quy định về TTHC do các cơ quan hành chính nhà nước ban hành nhưng không đúng quy định.

- Hoàn thiện, nâng cấp phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, đặc biệt các chức năng tra cứu, tìm kiếm dữ liệu theo từ khóa; đồng thời bổ sung các tính năng mới để thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, tra cứu TTHC.

- Tổ chức giao ban, hội nghị trực tuyến về tình hình thực hiện công tác kiểm soát TTHC giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để kịp thời trao đổi, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn liên quan giữa địa phương và trung ương.

- Tham mưu trình Chính phủ sớm ban hành Nghị định về cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (trong đó quy định cụ thể mô hình Trung tâm Hành chính công các cấp).

- Có cơ chế, chính sách, kinh phí hỗ trợ địa phương để động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức; cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia vào quá trình thực hiện các hoạt động thuộc nội dung kiểm soát TTHC.

2. Đề nghị HĐND tỉnh

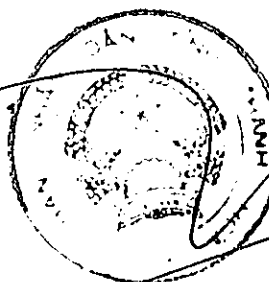
- Hàng năm quan tâm, bố trí kinh phí cho các hoạt động thực hiện công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

- Tăng mức vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở xã trong kế hoạch hàng năm, đặc biệt là đối với các xã thuộc các huyện miền núi còn nhiều khó khăn của tỉnh./.

Nơi nhận:

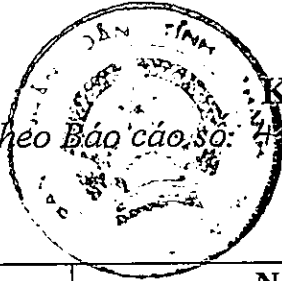
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Đoàn Giám sát HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn





Phụ lục 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH

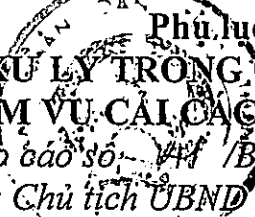
(Kèm theo Báo cáo số 44 /BC-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

| Stt | Kế hoạch | Năm 2015 | | | Năm 2016 | | | Năm 2017 | | |
|-----|--|---|----------------------------|--------------------------------------|--|----------------------------|--------------------------------------|--|----------------------------|--------------------------------------|
| | | Thời gian ban hành | Số nhiệm vụ trong Kế hoạch | Số nhiệm vụ hoàn thành theo kế hoạch | Thời gian ban hành | Số nhiệm vụ trong Kế hoạch | Số nhiệm vụ hoàn thành theo kế hoạch | Thời gian ban hành | Số nhiệm vụ trong Kế hoạch | Số nhiệm vụ hoàn thành theo kế hoạch |
| 1 | Kế hoạch cải cách hành chính | Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 19/3/2015 | 18 | 18 | Quyết định số 5190/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 | 32 | 32 | Quyết định số 5068/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 | 34 | 32 |
| 2 | Kế hoạch Kiểm tra cải cách hành chính | Kế hoạch số 724/KH-SNV ngày 10/12/2014 | 20 | 20 | Kế hoạch số 829/KH-SNV ngày 18/12/2015 | 21 | 21 | Kế hoạch số 754/KH-SNV ngày 30/12/2016 | 25 | 25 |
| 3 | Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính | Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 19/3/2015 | 1 | 1 | Quyết định số 5190/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 | 1 | 1 | Quyết định số 5068/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 | 5 | 5 |
| 4 | Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính | Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 27/3/2015 | 17 | 17 | Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 | 42 | 42 | Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 | 35 | 35 |
| 5 | Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn trực thuộc, UBND cấp huyện | Kế hoạch số 724/KH-SNV ngày 10/12/2014 | 20 | 20 | Kế hoạch số 829/KH-SNV ngày 18/12/2015 | 21 | 21 | Kế hoạch số 754/KH-SNV ngày 30/12/2016 | 25 | 25 |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|--|-----|-----|---|-----|-----|--|-----|-----|
| 6 | Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức | Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 | 144 | 144 | Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 | 126 | 126 | Quyết định số 4982/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 | 163 | 163 |
| 7 | Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin | Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 16/12/2014 | 16 | 16 | Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 30/3/2016 | 14 | 14 | Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 17/10/2016 | 17 | 17 |

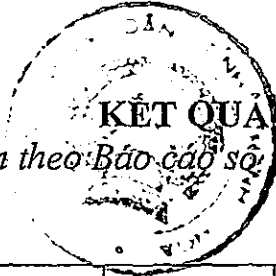
Ghi chú:

- Năm 2017 có 02 nhiệm vụ trong Kế hoạch cải cách hành chính năm tạm dừng, lý do: Sở Tư pháp có văn bản xin tạm dừng việc xây dựng, trình ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật (Chủ tịch UBND tỉnh có Công văn số 4586/UBND-THKH ngày 28/4/2017).
- Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn trực thuộc, UBND cấp huyện được lồng ghép trong Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính hàng năm.


Phụ lục 2
CÁC VẤN ĐỀ XỬ LÝ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI
NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số 44/BC-UBND ngày 02/4/2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

| Stt | Tiêu chí | Tổng số | Đã xử lý/đã thực hiện | Tỷ lệ % so với tổng số | Ghi chú |
|-----|--|---------|-----------------------|------------------------|--|
| 1 | Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra cải cách hành chính | 06 | 06 | 100% | Các tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra được Sở Nội vụ thông báo đến các đơn vị để khắc phục |
| 2 | Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh | 16 | 16 | 100% | Số liệu PAKN được tiếp nhận trực tiếp và qua điện thoại. Riêng 2017, có PAKN tiếp nhận qua hệ thống phần mềm nhưng Sở Tư pháp không được giao quản lý hệ thống phần mềm này. |
| 3 | Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động ở cơ quan chuyên môn trực thuộc, UBND cấp huyện | | | | Các tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra được Sở Nội vụ thông báo đến các đơn vị để khắc phục |

Ghi chú: Số liệu thống kê từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2017.

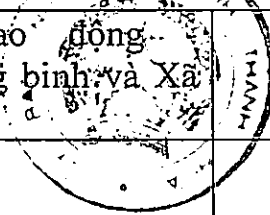


Phụ lục 3

KẾT QUẢ rà soát, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số 44 /BC-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

| Stt | Tên cơ quan | Tổng số thủ tục hành chính đã thống kê | Số thủ tục hành chính đã rà soát, kiên nghị (đến 31/12/2017) | | | | | UBND tỉnh thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính | | |
|-----|---------------------------------|--|--|------------|------------------|----------|----------------|---|-------------------------|----------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | | | Sửa đổi, bổ sung | Thay thế (ban hành mới) | Hủy bỏ, bãi bỏ |
| | | | | Giữ nguyên | Sửa đổi, bổ sung | Thay thế | Hủy bỏ, bãi bỏ | | | |
| 1. | Sở Nội vụ | 6 | 6 | 2 | 4 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 |
| 2. | Sở Thông tin và Truyền thông | 4 | 4 | 0 | 3 | 0 | 1 | 3 | 0 | 1 |
| 3. | Sở Tư pháp | 5 | 5 | 0 | 5 | 0 | 0 | 5 | 0 | 0 |
| 4. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 5 | 5 | 1 | 4 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 |
| 5. | Sở Giao thông Vận tải | 4 | 4 | 0 | 2 | 0 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 6. | Sở Tài nguyên và Môi trường | 11 | 11 | 3 | 8 | 0 | 0 | 8 | 0 | 0 |
| 7. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 8 | 8 | 1 | 6 | 0 | 1 | 6 | 0 | 1 |



| | | | | | | | | | | |
|-----|-------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|----------|----------|-----------|----------|----------|
| 8. | Sở Lao động Thương binh và Xã hội | 8 | 8 | 2 | 6 | 0 | 0 | 6 | 0 | 0 |
| 9. | Sở Y tế | 8 | 8 | 1 | 6 | 0 | 1 | 6 | 0 | 1 |
| 10. | Sở Công Thương | 3 | 3 | 0 | 3 | 0 | 0 | 3 | 0 | 0 |
| 11. | Sở Tài chính | 6 | 6 | 4 | 2 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 |
| 12. | Sở Khoa học và Công nghệ | 4 | 4 | 0 | 4 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 |
| 13. | Sở Nông nghiệp và PTNT | 4 | 4 | 0 | 4 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 |
| 14. | Sở Xây dựng | 7 | 7 | 1 | 6 | 0 | 0 | 6 | 0 | 0 |
| 15. | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN | 3 | 3 | 0 | 3 | 0 | 0 | 3 | 0 | 0 |
| 16. | Sở Giáo dục và Đào tạo | 8 | 8 | 3 | 5 | 0 | 0 | 5 | 0 | 0 |
| 17. | Tổng | 94 | 94 | 18 | 71 | 0 | 5 | 71 | 2 | 5 |

Ghi chú: Số liệu thống kê từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2017.



Phụ lục 4

SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÃ THÔNG KÊ, CÔNG BỐ VÀ CẬP NHẬT VÀO CSDL QUỐC GIA

(Kèm theo Báo cáo số: 41 /BC-UBND ngày 02 /4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

| Stt | Tên Bộ thủ tục hành chính | Tổng số TTHC đã công bố tính đến (31/12/2014) (A) | Số TTHC đã công bố (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2017) | | | Tổng số TTHC sau biến động (tính đến 31/12/2017) (C) | |
|-----|---|--|---|----------------------|--------------------------|---|------------------------|
| | | | Tổng số (B) | Trong đó | | | |
| | | | | Ban hành mới (B1) | Sửa đổi, bổ sung (B2) | | Hủy bỏ, bãi bỏ (B3) |
| 1 | Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý ở cấp tỉnh | 1034 | 2724 | 1396 | 123 | 1205 | 1225 |
| 2 | Bộ thủ tục hành chính áp dụng chung tại cấp huyện | 207 | 411 | 178 | 42 | 191 | 194 |
| 3 | Bộ thủ tục hành chính áp dụng chung tại cấp xã | 205 | 316 | 126 | 11 | 179 | 152 |
| | Tổng | 1446 | 3451 | 1700 | 176 | 1575 | 1571 |



Phụ lục 5
SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số: 44 /BC-UBND ngày 02 /4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

| Stt | Tên cơ quan | Số thủ tục hành chính UBND tỉnh đã công bố (đến 31/12/2017) | | | Số TTHC được công khai niêm yết đầy đủ, đúng quy định tại cơ quan, đơn vị; trên Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử | Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa | Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông | Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo có chế một cửa liên thông đại | Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết qua bộ phận một cửa (%) |
|-----|--|---|------------------------------------|--|---|---|--|--|--|
| | | Tổng số (gồm mới ban hành và sửa đổi, bổ sung) | Trong đó | | | | | | |
| | | | Số Thủ tục đang thực hiện ở đơn vị | Số thủ tục không thực hiện ở đơn vị (chưa có nhu cầu của tổ chức, cá nhân) | | | | | |
| 1 | TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 3 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) | 1.876 | 1.571 | 1.571 | 1.398 | 173 | 173 | 100% | |



Phụ lục 6
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC
(Kèm theo Báo cáo số 44 /BC-UBND ngày 02/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

| Stt | Cấp thực hiện | Tổng số hồ sơ đã nhận | Số hồ sơ đã giải quyết | | | | Tổng số hồ sơ trả lại | | Hồ sơ chưa giải quyết | |
|-----|---------------|-----------------------|------------------------|--------------|----------|-------|-----------------------|---------|---|-------|
| | | | Tổng số | Trả đúng hạn | Trả chậm | | Tổng số | Lý do | Tổng số | Lý do |
| | | | | | Tổng số | Lý do | | | | |
| 1 | Cấp tỉnh | 940.078 | 836.555 | 835.276 | 1.279 | | | 103.523 | - Trong đó có 103.518 hồ sơ đang giải quyết và chưa đến thời hạn trả kết quả (Tính đến thời điểm báo cáo). - Còn lại 05 hồ sơ đang giải quyết và bị quá hạn. | |
| 2 | Cấp huyện | 1.423.597 | 1.380.857 | 1.368.732 | 12.125 | | | 42.740 | - Trong đó có 41340 hồ sơ đang giải quyết và chưa đến thời hạn trả kết quả (Tính đến thời điểm báo cáo). - Còn lại 1400 hồ sơ đang giải quyết và bị quá hạn. | |
| 3 | Cấp xã | 8.289.353 | 8.211.679 | 8.205.368 | 6.311 | | | 77.674 | - Trong đó có 73.834 hồ sơ đang giải quyết và chưa đến thời hạn trả kết quả (Tính đến thời điểm báo cáo) - Còn lại 2840 hồ sơ đang giải quyết và bị quá hạn. | |

Ghi chú: Số liệu thống kê từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2017.